

Bản án số: **31/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 12-7-2022

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Hội.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh và ông Nguyễn Duy Chấn.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn là Thư ký TAND huyện Đăk Mil.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 31/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2022, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 06 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hứa Thị M, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 01, xã R, huyện M, tỉnh Đăk Nông. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Chu Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 01, xã R, huyện M, tỉnh Đăk Nông. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 07/02/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Hứa Thị M trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị Hứa Thị M và anh Chu Văn T kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Đăk Nông. Sau khi kết hôn chị M và anh T chuyển đến cư trú tại Thôn 01, xã R, huyện M, tỉnh Đăk Nông, tuy nhiên cuộc sống hôn nhân giữa chị M và anh T không hạnh phúc, thường nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp,

trong quá trình chung sống anh T không chịu làm ăn chăm lo cho gia đình. Từ những lý do trên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T ngày một trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và đã không sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống chị M và anh T có 01 con chung là Chu Tuấn V, sinh ngày 05/3/2010, chị M có nguyện vọng muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị M yêu cầu Tòa án phân chia mỗi người $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 97 tờ bản đồ số 87 diện tích 5283 m² địa chỉ tại thôn 01, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 804935 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 15/12/2015 mang tên ông Chu Văn T, bà Hứa Thị M;

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 94 tờ bản đồ số 3 diện tích 528 m² địa chỉ tại thôn 01, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 197663 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 16/7/2015 mang tên ông Chu Văn T, bà Hứa Thị M; tài sản gắn liền với đất bao gồm 01 căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 16 m².

- *Về nợ chung*: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 04/5/2022, chị Hứa Thị M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung.

Đối với bị đơn là anh Chu Văn T trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, tuy nhiên anh T đều vắng mặt không có lý do gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định. Hội

đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Bị đơn không chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về con chung giao con chung là Chu Tuấn V, sinh ngày 05/3/2010 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Hứa Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, quyền nuôi con chung và chia tài sản chung khi ly hôn nên quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn*”. Bị đơn là anh Chu Văn T có nơi cư trú tại thôn 01, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

1.2. Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, tuy nhiên nguyên đơn là chị M đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt (BL 128), bị đơn là anh Chu Văn T đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng anh T vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân: Chị Hứa Thị M và anh Chu Văn T kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận kết hôn số 109, ngày 15/10/2010. Như vậy, theo quy

định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T là hợp pháp.

Xét lý do chị M yêu cầu ly hôn anh T là vì sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T không hạnh phúc, thường nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và tính cách không hòa hợp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh T ngày càng trở lên trầm trọng, đã không còn sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Theo xác nhận tại địa phương nơi chị M và anh T cư trú thì những mâu thuẫn giữa chị M và anh T là đúng sự thật.

Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng chung sống có hạnh phúc phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, phải chung sống với nhau để cùng nhau quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phải có sự hòa hợp chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống. Tuy nhiên, sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân giữa chị M và anh T thường nảy sinh mâu thuẫn, anh T không biết chăm lo cho gia đình, không yêu thương chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, chị M và anh T đã không còn sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay điều này cho thấy hôn nhân giữa chị M và anh T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho chị M ly hôn anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Đối với con chung là Chu Tuấn V, sinh ngày 05/3/2010. Chị M có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Xét thấy, từ khi chị M và anh T không còn sống chung thì con chung do chị M chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến nay, con chung Chu Tuấn V cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Hội đồng xét xử thấy rằng giao con chung Chu Tuấn V cho chị M được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là cần thiết, đảm bảo được các quyền lợi cho con chung và phù hợp khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Hứa Thị M và anh Chu Văn T có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung: Đối với yêu cầu của chị Hứa Thị M về việc phân chia mỗi người $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung bao gồm:

- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 97 tờ bản đồ số 87 diện tích 5283 m² địa chỉ tại thôn 01, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số CA 804935 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk M cấp ngày 15/12/2015 mang tên ông Chu Văn T, bà Hứa Thị M;

- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 94 tờ bản đồ số 3 diện tích 528 m² địa chỉ tại thôn 01, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 197663 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk M cấp ngày 16/7/2015 mang tên ông Chu Văn T, bà Hứa Thị M; tài sản gắn liền với đất bao gồm 01 căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 16 m².

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã có đơn xin rút yêu cầu phân chia tài sản chung. Xét thấy việc rút yêu cầu nói trên là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại bằng một vụ án khác đối với yêu cầu đã rút và không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

2.4. Về nợ chung: Do chị Hứa Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.5. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận

[3]. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Chị Hứa Thị M phải chịu chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 3.525.000 đồng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, được khấu trừ số tiền mà chị Hứa Thị M đã nộp.

[4]. Về Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chị Hứa Thị M phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Hứa Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hứa Thị M.

1. Về hôn nhân: Chị Hứa Thị M ly hôn anh Chu Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Chu Tuấn V, sinh ngày 05/3/2010 cho chị Hứa Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

2.1. Về cấp dưỡng nuôi con: Do Chị Hứa Thị M không yêu cầu anh Chu Văn T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

2.2. Sau khi ly hôn chị Hứa Thị M và anh Chu Văn T có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

3.1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Hứa Thị M về việc phân chia tài sản chung. Chị Hứa Thị M có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3.2. Do chị Hứa Thị M không yêu cầu giải quyết về nợ chung nên không xem xét giải quyết.

4. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Chị Hứa Thị M phải chịu lệ phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 3.525.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 3.525.000 đồng chị Hứa Thị M đã nộp.

5. Về Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chị Hứa Thị M phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 6.952.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ chị M đã nộp.

6. Về án phí: Buộc chị Hứa Thị M phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 2.800.000 đồng tạm ứng án phí chị M đã nộp.

Hoàn trả chị Hứa Thị M số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí còn lại theo biên lai số 0000752, ngày 14 tháng 02 năm 2022 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã N;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Đình Hội

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Đình Hội

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Đình Hội